

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [NGŨ ÂM TIẾNG TRUNG]

Mã học phần: CPN32021– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 2

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Ngữ âm văn tự Tiếng Hán nhằm giúp người học:

- G1: hiểu bản chất của hệ thống ngữ âm và văn tự tiếng Hán, từ đó nâng cao trình độ khẩu ngữ và kỹ năng Viết chữ Hán.
- G2: Nắm vững kiến thức lí luận cơ bản về ngữ âm và văn tự. Biết tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện vấn đề cần nghiên cứu, biết xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai nghiên cứu chuyên sâu về ngữ âm và văn tự.
- G3: Nắm được phương pháp nghiên cứu kiến thức ngôn ngữ, từ đó phát triển kiến thức đã học, vận dụng trong so sánh đối chiếu ngôn ngữ.
- G4: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G5: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- G6: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thức; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Ngữ âm văn tự Tiếng Hán phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

- a: Có kiến thức về hệ thống ngữ âm tiếng Hán, phát âm chuẩn các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu; Nắm vững và vận dụng thành thạo các hiện tượng biến âm trong tiếng Hán.
- a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản văn tự tiếng Hán để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.
- a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.

3.2 Kỹ năng

- b1: Phát âm chuẩn tiếng Trung Quốc và viết chuẩn các chữ Hán.
- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...
- b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư

duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.

- b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.

- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

- c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. 曹文, 《汉语语音教程》,北京语言大学出版社, 2002

[4.1.2]. 张静贤, 《汉字教程》, 北京语言大学出版社, 2005

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Chu Quang Thắng, Trần Thị Thanh Liêm. *Luyện ngữ âm tiếng Hán*. NXB Từ Điển Bách Khoa, 2009.

[4.2.2]. 曹文, 《汉语语音训练》, 北京大学出版社, 2008.

[4.2.3]. (东汉) 许慎, 图解《说文解字》(画说汉字: 1000个汉字的故事), 陕西师范大学出版社, 2010.

5. Nội dung kế hoạch dạy học

Thời lượng: 30 tiết

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV	KQ cần đạt
04 tiết	<p>第一章：绪论</p> <p>1. 现代汉语"</p> <p>2. 声音·语音</p> <p>第二章：汉语语音分类</p> <p>1. 元音</p> <p>2. 辅音</p> <p>3. 音素·音位·音位变体</p> <p>第三章：国际音标和记音符号</p> <p>1. 汉语拼音方案</p> <p>2. 国际音标见表</p> <p>3. 三种拼音符号对照表</p> <p>思考与练习</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, giới thiệu khái quát về ngữ âm tiếng Hán, phân loại ngữ âm tiếng Hán, giới thiệu bảng phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về ngữ âm tiếng Hán và bảng phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu về ngữ âm tiếng Hán, phân loại ngữ âm tiếng Hán, giới thiệu bảng phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài chương 1-3, chuẩn bị bài chương 4, sử dụng tài liệu học tập [4.1.1], [4.2.1], [4.2.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về hệ thống ngữ âm tiếng Hán và cách viết phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán .</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra kiến thức khái quát về ngữ âm tiếng Hán; phân loại ngữ âm tiếng Hán, cách viết phiên âm quốc tế của ngữ âm tiếng Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và sách bài tập bổ trợ.</p>	<p>- SV có thể nắm được các kiến thức về cơ sở lý luận ngữ âm tiếng Hán .</p> <p>- Trên cơ sở lý luận cơ bản, SV có thể xác định vấn đề nghiên cứu chuyên sâu về ngữ âm, tự học hỏi nâng cao trình độ năng lực tiếng của bản thân.</p>

06 tiết	<p>第四章：普通话音节系统</p> <p>1. 声母</p> <p>1.1. 塞音声母</p> <p>1.2. 擦音声母</p> <p>1.3. 塞擦音声母</p> <p>1.4. 浊声母和零声母</p> <p>2. 韵母</p> <p>2.1. 单元音韵母</p> <p>2.2. 复元音韵母</p> <p>2.3. 鼻音韵母</p> <p>3. 声调(字调)</p> <p>思考与练习</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, giới thiệu về hệ thống âm tiết (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu) của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về hệ thống âm tiết (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu) của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu hệ thống âm tiết (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu) của ngữ âm tiếng Hán và luyện phát âm tiếng Hán.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập chương 4, chuẩn bị bài chương 5-6, sử dụng tài liệu học tập [4.1.1], [4.2.1], [4.2.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube, tìm hiểu về các vấn đề liên quan hệ thống âm tiết tiếng Hán, phương pháp phát âm các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu tiếng Hán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của sinh viên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên: Kiểm tra kiến thức về hệ thống âm tiết của ngữ âm tiếng Hán; kiểm tra phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu của tiếng Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và sách bài tập bổ trợ.</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về thống âm tiết tiếng Hán, phương pháp phát âm các thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu tiếng Hán để luyện thực hành phát âm tiếng Hán, tự phát hiện lỗi sai trong phát âm và tiến hành tự điều chỉnh, nâng cao trình độ khẩu ngữ tiếng Hán.</p>
---------	---	--	--	---

<p>04 tiết</p>	<p>第五章：语流音变</p> <p>1. 几种常见的语流音变现象</p> <p>2. 轻声</p> <p>3. 儿化</p> <p>4. 连读变调</p> <p>第六章：语调</p> <p>1. 重音</p> <p>2. 节奏</p> <p>3. 语调类型思考与练习</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết giảng, giới thiệu về hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực quan và sử dụng giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ, thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán, luyện phát âm tiếng Hán.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập các kiến thức đã học từ chương 1-6, sử dụng tài liệu học tập [4.1.1], [4.2.1] , [4.2.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về các vấn đề liên quan ngữ âm tiếng Hán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của sinh viên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên: Kiểm tra kiến thức về hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán; kiểm tra phát âm; làm các bài tập trong sách giáo trình và sách bài tập bổ trợ</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về hiện tượng biến âm và ngữ điệu của ngữ âm tiếng Hán để luyện thực hành phát âm tiếng Hán, tự phát hiện lỗi sai trong phát âm và tiến hành tự điều chỉnh, nâng cao trình độ khẩu ngữ tiếng Hán.</p> <p>- Thông qua kiến thức về ngữ điệu, SV có thể phán đoán chính xác trạng thái tâm lý, ý nghĩa muốn biểu đạt của người nói.</p>
-----------------------	--	--	--	---

<p>04 tiết</p>	<p>第一章：汉字的历史</p> <p>1. 古汉字的发现</p> <p>2. 汉字的产生</p> <p>3. 汉字形体的演变</p> <p>第二章：现代汉字的性质与特点</p> <p>1. 现代汉字的性质</p> <p>2. 现代汉字的特点</p> <p>第三章：现代汉字的造字法</p> <p>1. 动态溯源</p> <p>2. 静态描写</p> <p>思考与练习</p> <p>中期考核</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, lớp học đảo ngược, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập các kiến thức đã học từ chương 1-3, chuẩn bị bài chương 4-5, sử dụng tài liệu học tập [4.1.2], [4.2.3] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về các vấn đề liên quan tới lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra kiến thức và thiết kế sơ đồ tư duy về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p> <p>- KTGK: Bài kiểm tra viết trắc nghiệm tự luận kết hợp 60 phút. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức ngữ âm tiếng Hán được học đến thời điểm kiểm tra.</p>	<p>- SV có thể nắm được một số kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận văn tự tiếng Hán. Hiểu được về lịch sử hình thành, đặc điểm tính chất và phương pháp cấu tạo chữ Hán, từ đó hỗ trợ tích cực cho việc học viết chữ Hán, ghi nhớ chữ Hán.</p> <p>- Trên cơ sở lý luận cơ bản, SV có thể xác định vấn đề nghiên cứu chuyên sâu về chữ Hán, tự học hỏi nâng cao trình độ năng lực tiếng của bản thân.</p> <p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm tiếng Hán đã học để hoàn thành tốt bài KT đánh giá giữa kỳ.</p>
-----------------------	---	--	--	--

<p>02 tiết</p>	<p>第四章：现代汉字的字形—— 笔画与笔顺</p> <p>1. 笔画 2. 笔顺</p> <p>第五章：现代汉字的字形—— 部件与整字</p> <p>1. 部件 2. 整字</p> <p>思考与练习</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, lớp học đảo ngược, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập các kiến thức đã học từ chương 4-5, chuẩn bị bài chương 6-7, sử dụng tài liệu học tập [4.1.2], [4.2.3] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra kiến thức về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về chữ Hán, bộ thủ, các nét, thứ tự nét bút. Từ đó tự phát hiện lỗi sai trong quá trình viết chữ Hán và tiến hành điều chỉnh, nâng cao kỹ năng Việt.</p>
<p>04 tiết</p>	<p>第六章：现代汉字的字音</p> <p>1. 现代汉字字音的特点 2. 现代汉字形声字的表音功能</p> <p>第七章：现代汉字的字义</p> <p>1. 现代汉字字义的特点 2. 现代汉字形旁的表意功能</p> <p>思考与练习</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, lớp học đảo ngược, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về âm và nghĩa của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu âm và nghĩa của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm về âm và nghĩa của chữ Hán.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập các kiến thức đã học từ chương 6-7, chuẩn bị bài chương 8-9, sử dụng tài liệu học tập [4.1.2], [4.2.3] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về âm và nghĩa của chữ Hán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và Kiểm tra kiến thức về đặc điểm và chức năng của âm và nghĩa trong chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	

04 tiết	<p>第八章：现代汉字的字量</p> <p>1. 汉字的总量</p> <p>2. 现代汉字的字量</p> <p>第九章：现代汉字的字序</p> <p>1. 音序法</p> <p>2. 部首法</p> <p>3. 笔画笔形查</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, lớp học đảo ngược, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập các kiến thức đã học từ chương 8-9, chuẩn bị bài chương 10, sử dụng tài liệu học tập [4.1.2], [4.2.3] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra kiến thức về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về trật tự sắp xếp của chữ Hán để học cách tra cứu từ điển tiếng Hán.</p> <p>- Trên cơ sở lý luận cơ bản về số lượng và trật tự sắp xếp của chữ Hán, SV có thể xác định vấn đề nghiên cứu chuyên sâu về chữ Hán, tự học hỏi nâng cao trình độ năng lực tiếng của bản thân.</p>
---------	---	--	--	--

02 tiết	<p>第十章：现代汉字的简化与规范化</p> <p>1. 现代汉字的简化</p> <p>2. 现代汉字的规范化</p> <p>思考与练习</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp dạy học dự án, lớp học đảo ngược, thuyết giảng, thuyết trình giới thiệu về phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp giáo cụ trực quan, trình chiếu video/tranh ảnh giới thiệu phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, hỏi đáp, chơi trò chơi. GV Chia lớp làm các nhóm nhỏ phụ trách làm slide và thuyết trình các chủ đề liên quan nội dung bài học; thông qua trò chơi, hỏi đáp, tìm hiểu về phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán.</p> <p>- PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập các kiến thức đã học từ chương 1-10, sử dụng tài liệu học tập [4.1.2], [4.2.3] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về chữ Hán</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên và KTĐG việc tự học của SV thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập hội thoại nhóm,...</p> <p>- Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: Kiểm tra kiến thức về phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán; làm các bài tập trong sách giáo trình và bài tập bổ trợ.</p>	<p>- Trên cơ sở lý luận cơ bản về phương thức giản hóa và quy phạm hóa của chữ Hán, SV có thể xác định vấn đề nghiên cứu chuyên sâu về chữ Hán, tự học hỏi nâng cao trình độ năng lực tiếng của bản thân.</p>
---------	--	---	---	---

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra								
			a1	a2	a3	b1	b2	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%									

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, b2, c1, c2

Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá kiến thức ngữ âm của sinh viên ở cấp độ HSK4 (từ bài 1 đến bài 14)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b3, c3, c4

Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức ngữ âm của sinh viên ở cấp độ HSK4 (từ bài 15 đến bài 29)

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ ngữ âm của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức ngữ âm đã học vào giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK 4
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1; a2; b1; b2; b3; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Có kiến thức về hệ thống ngữ âm tiếng Hán, phát âm chuẩn các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu; Nắm vững và vận dụng thành thạo các hiện tượng biến âm trong tiếng Hán.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản văn tự tiếng Hán để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung bình	Sử dụng ở mức hạn chế	Sử dụng ở mức rất hạn chế
b1: Phát âm chuẩn tiếng Trung Quốc và viết chuẩn các chữ Hán.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học hỏi trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa

+ projector

+ Loa, Đài cassette

+ Lớp học không quá 35 sinh viên

Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.

+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (bảng, đĩa).

+ Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học

+ Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ

+ Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Chú ý an toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

Tổ Tiếng Trung